

Q, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Số: 09/2023/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 131/2022/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: khu 3, phường Phong Cốc, thị xã Q, tỉnh Q.

Bị đơn: anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1982

Địa chỉ: khu 3, phường Phong Cốc, thị xã Q, tỉnh Q.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; 58; 81;82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Việt A, sinh ngày 23/12/2007 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh

Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Hoài L, sinh ngày 04/5/2005 **đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).**

Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Hai bên có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung: chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không có tài sản chung.

Về nợ chung: chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn Đ không có nợ chung.

Về án phí: chị Bùi Thị T tự nguyện nộp 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị Bùi Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010144 ngày 02/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Q. Trả lại cho chị Bùi Thị T số tiền 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTX Q;
- VKSND tỉnh Q;
- TAND tỉnh Q;
- Chi cục THADS Q;
- UBND phường P;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN

Phan Hùng

